TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2025
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Anh Huê

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Tạ Phong Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích N; địa chỉ: tổ dân phố N, phường B, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: tổ dân phố N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình). Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L; địa chỉ: thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Trị (trước đây là: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải, cũng như tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị và anh Trần Văn L có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND

phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 22/01/2018. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, không hàn gắn được. Nguyên nhân, là do vợ chồng sống không hợp, sống ly thân đã 06 năm, không quan tâm, chăm sóc cho nhau và khoảng cách địa lý dẫn đến không còn tình cảm. Hiện tại chị cảm thấy mình thật sự không còn tình cảm gì với anh L nữa, không thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc được, nên mong muốn được ly hôn với anh L để sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Theo chị N, giữa vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Lê Khả H, sinh ngày 11/02/2019. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp và hòa giải, bị đơn anh Trần Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nội dung trong đơn khởi kiện của chị N là không đúng sự thật nên anh không đồng ý.

Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn L thừa nhận, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Lê Khả H, sinh ngày 11/02/2019, hiện đang sống với chị N. Anh L muốn được quyền qua lại thăm nom con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh L trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Trần Văn L đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Bích N được ly hôn anh Trần Văn L.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Lê Khả H, sinh ngày 11/02/2019 cho chị Lê Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị Bích N không yêu cầu anh Trần Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích N chịu tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Bích N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là TAND khu vực 3, tỉnh Quảng Trị) theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt, niêm yết, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh Trần Văn L vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Lê Thị Bích N và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 22/01/2018, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, không lâu sau đó đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng sống không hợp nhau, đã sống ly thân 06 năm và khoảng cách địa lý dẫn đến không còn tình cảm; vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau và hai bên không tìm được hướng đi chung, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn.

[2.2] Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía trong khi chị N xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh L, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh L được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn. Còn đối với anh L, quá trình giải quyết vụ án, anh L đã tham gia phiên họp và hòa giải một lần và cho rằng nội dung đơn khởi kiện của chị N là không đúng nhưng anh L lại không trình bày ý kiến, quan điểm cụ thể về việc giải quyết tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần và mặc dù biết rõ việc Tòa án đang giải quyết việc chị N xin ly hôn anh nhưng anh L đã vắng mặt, không chấp

hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án. Điều này thể hiện việc anh L không hề quan tâm, lo lắng gì đến vợ con và gia đình, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình và pháp luật.

[2.3] Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Lê Thị Bích N cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích N, xét xử cho chị Lê Thị Bích N được ly hôn anh Trần Văn L.

[3] Về quan hệ con chung:

[3.1] Giữa chị Lê Thị Bích N và anh Trần Văn L có 01 con chung tên là Trần Lê Khả H, sinh ngày 11/02/2019. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị Bích N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn L thừa nhận giữa vợ chồng có 01 con chung và muốn được quyền qua lại thăm nom con nhưng lại không trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

[3.2] Xét điều kiện, nguyện vọng mong muốn được nuôi con của chị N là hoàn toàn chính đáng, vì con chung còn nhỏ, do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ và hiện vẫn do chị trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học. Vì vậy, cần thiết giao con chung Trần Lê Khả H cho chị Lê Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, chị N không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Bích N và anh Trần Văn L thống nhất thừa nhận, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Bích N phải chịu tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Bích N được ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Trần Lê Khả H, sinh ngày 11/02/2019 cho chị Lê Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Chị Lê Thị Bích N không yêu cầu anh Trần Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích N chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị N phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0002263, ngày 30/5/2025.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND phường B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực